

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CẦN THƠ**

Số: 41/2003/QĐ-UB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 26 tháng 5 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THU PHÍ, ĐẤU THẦU PHÍ ĐỐI VỚI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CẦN THƠ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21 tháng 06 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Phí - Lệ phí ngày 28/08/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí - Lệ phí;

Căn cứ Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về Phí - Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2003/NQ-HĐND ngày 09/01/2003 của HĐND tỉnh Cần Thơ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế và Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Cần Thơ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thu phí, đấu thầu phí đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cần Thơ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 53/2001/QĐ-UB ngày 02/08/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, TX Vị thanh, TP. Cần Thơ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ**  
**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Phong Quang**

**QUY ĐỊNH**

**VỀ VIỆC QUẢN LÝ THU PHÍ, ĐẤU THẦU PHÍ ĐỐI VỚI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CẦN THƠ**

*(Ban hành theo Quyết định số 41/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh Cần Thơ)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ được quy định trong danh mục phí ban hành kèm theo Pháp lệnh Phí, lệ phí.

**Điều 2.** Các loại phí thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này gồm:

1. Các loại phí do phường, xã, thị trấn quản lý thu:

- Phí chợ;
- Phí qua đò, qua phà;
- Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, ô tô;

- Phí bến bãi đậu xe;
- Phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu;
- Phí an ninh trật tự;
- Phí phòng chống thiên tai;
- Phí vệ sinh;

2. Các loại phí do các cơ quan, Ban ngành, đơn vị sự nghiệp quản lý thu:

- Phí đo đạc lập bản đồ địa chính;
- Phí tham quan danh lam thắng cảnh;
- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.
- Phí thư viện;
- Phí vệ sinh;
- Phí dự thi, dự tuyển.

3. Các loại phí, lệ phí do Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quy định thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cần Thơ nếu được phép thu thì thực hiện theo Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ và Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 3.** Đối tượng thu nộp phí là các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định nhiệm vụ thu phí; các tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp tiền phí vào Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo quy định.

**Điều 4.** Xác định các loại phí và mức thu trên địa bàn tỉnh Cần Thơ (theo danh mục phí và mức thu phí trên địa bàn tỉnh Cần Thơ kèm theo).

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, THU NỘP, SỬ DỤNG CHỨNG TỪ PHÍ**

#### **Điều 5.** Quản lý thu phí

1. Những loại phí trong danh mục do UBND tỉnh ban hành, quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này, phát sinh ở địa phương nào thì do UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND xã) nơi đó quản lý tổ chức thu. Chi cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và phân cấp quản lý cụ thể cho các xã, Đội thuế làm tham mưu cho UBND xã, phường, thị trấn để tổ chức quản lý thu phí theo đúng quy định về Pháp lệnh Phí- Lệ phí.

- Loại phí của xã đã được đấu thầu, người trúng thầu sẽ tổ chức thu nộp

- Các loại phí không tổ chức đấu thầu, do ủy nhiệm thu hoặc chỉ định thu, phải lập bộ và phải được UBND xã duyệt, ủy nhiệm thu và chỉ định thu là người trực tiếp thu nộp phí.

(Đối tượng thu nộp phí quy định tại gạch đầu dòng 1,2 trên đây thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế trực tiếp quản lý).

2. Phí do Sở, Ban Ngành, các đơn vị sự nghiệp có thu (bao gồm cả cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh Cần Thơ) quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 của Quy định này, tổ chức thu, quản lý, sử dụng và nộp vào NSNN theo quy định.

#### **Điều 6.** Mức thu cho các loại phí và việc miễn, giảm phí

Các loại phí do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quy định này, và các loại phí do thẩm quyền TW quy định mức thu, các đơn vị, các địa phương căn cứ mức thu phí nêu trên để tổ chức thu, (không được quy định trái với Quy định này và quy định của Trung ương).

Đối với việc miễn, giảm phí căn cứ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ để thực hiện.

#### **Điều 7.** Quản lý thu, nộp tiền phí

Cơ quan, đơn vị tổ chức thu phí phải đăng ký kê khai với cơ quan thuế, kê khai phí hàng tháng và phải nộp tờ khai thu phí cho cơ quan thuế trong 5 ngày đầu của tháng tiếp theo và có trách nhiệm nộp số tiền phí vào NSNN theo quy định không quá ngày 15 của tháng sau.

Các Sở, Ban ngành, UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện, UBND xã, các đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm đôn đốc các đối tượng thu phí thuộc phạm vi mình quản lý, tổ chức thu và đăng nộp phí vào NSNN hàng tháng theo quy định.

Đối với các khoản tiền ký cược để tham gia đấu thầu và tiền đặt cọc khi đã trúng thầu, Các Chi cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng dự thầu và trúng thầu nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thuế tại Kho bạc nhà nước cùng cấp và hoàn trả lại cho đối tượng trúng thầu theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Đối với các khoản phí do các đơn vị kinh doanh, đơn vị hoạt động công ích tổ chức thu (trừ phí vệ sinh) nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì phải đăng ký với cơ quan thuế để kê khai doanh thu và nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế (khoản phí này được gọi là khoản thu không thuộc Ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ).

Cuối năm thực hiện quyết toán chứng từ thu, số tiền thu, số nộp vào NSNN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý, đồng thời quyết toán việc sử dụng phí được trích để lại với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán thống kê.

#### **Điều 8. Đăng ký kê khai và sử dụng chứng từ thu phí**

Các tổ chức, cá nhân được phép thu phí phải đăng ký, kê khai với cơ quan thuế cùng cấp để nhận mẫu biểu, chứng từ thu do ngành thuế phát hành, khi thu phí phải cấp chứng từ thu cho người nộp tiền. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thu phí không sử dụng chứng từ hoặc chứng từ không đúng quy định.

Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ có thu phí phải đăng ký với cơ quan thuế về chứng từ thu, vé thu theo hướng dẫn của cơ quan thuế, đồng thời là đối tượng kê khai nộp thuế theo quy định.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC ĐẤU THẦU PHÍ**

##### **Điều 9. Mức thu phí phải đưa ra đấu thầu**

- Mức thu trên 36 triệu đồng/năm của một địa điểm thu phí thì phải tổ chức đấu thầu.

- Các loại phí thuộc đối tượng đưa ra đấu thầu theo mức trên bao gồm:

- + Phí chợ;
- + Phí qua đò, qua phà;
- + Phí trông giữ xe;
- + Phí bến bãi đậu xe;
- + Phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu;
- + Phí vệ sinh.

- Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện chỉ đạo Phòng (Ban) Tài chính - Kế hoạch (dưới đây gọi chung là Phòng Tài chính - Kế hoạch), UBND xã khảo sát về mức giá, tính chất ổn định, thường xuyên của từng loại phí ở địa phương có trong danh mục (kèm theo quy định này), tổng số tiền thu của năm trước và khả năng phát triển về số thu của năm tiếp theo để dự kiến mức giá khởi điểm đưa ra đấu thầu cho sát với tình hình thực tế của địa phương.

- Khi đưa các loại phí ra đấu thầu cần xác định rõ phạm vi, ranh giới cụ thể để việc thu phí không trùng lặp giữa phạm vi áp dụng đấu thầu phí với phạm vi ủy nhiệm thu, chỉ định thu.

##### **Điều 10. Nội dung đấu thầu phí gồm có**

1. Mức khởi điểm do UBND xã công bố theo các điều kiện sau:

- Đảm bảo sát với tổng thu phí của các năm qua.

- Được hình thành trên tiêu thức mức giá thu phí kèm theo tại Quy định này.

2. Thời gian đấu thầu là 6 tháng hoặc 1 năm .

- Nêu rõ phạm vi và đối tượng thu phí.

- Người tham gia đấu thầu phải cam kết đủ năng lực thực hiện hợp đồng, phải ký cược 10% trên tổng số tiền của giá khởi điểm mới được tham gia đấu thầu, người không trúng thầu sẽ được hoàn lại số tiền ký cược. Sau khi kết thúc buổi đấu thầu, người trúng thầu phải đặt cọc trước từ 10 đến 15% trên tổng số tiền của hợp đồng nhận thầu, cả 2 khoản ký cược và đặt cọc sẽ được hoàn trả lại một lần cho đối tượng trúng thầu sau khi thực hiện hết thời gian giao nhận thầu.

- Khu vực đấu thầu, thời gian, địa điểm đấu thầu phải được thông báo công khai rộng rãi.

- Tùy vào mức thu phí, loại phí giao cho Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện xem xét mức đặt cọc, cụ thể.

**Điều 11.** Thành phần tham dự đấu thầu

- Đại diện UBND xã chủ trì.

- Đại diện Phòng Tài chính-Kế hoạch.

- Đại diện Chi cục Thuế.

- Ban Tài chính xã, phường, thị trấn; Đội trưởng Đội Thuế.

- Các đối tượng tham gia đăng ký đấu thầu (tối thiểu phải có 2 đối tượng trở lên tham gia đấu thầu).

**Điều 12.** Đối tượng trúng thầu

Đối tượng trúng thầu là người có số tiền đấu thầu cao nhất và được thực hiện theo hợp đồng trúng thầu theo phương thức: đối tượng nhận thầu được hưởng 100% phần thu vượt, nếu lỗ thì phải bù đắp phí theo hợp đồng giao nhận. Khi nhận thầu phải làm hợp đồng với UBND xã, hợp đồng phải được ghi rõ những nội dung sau:

- Số tiền trúng thầu phải nộp vào NSNN hàng tháng.

- Quyền lợi và nghĩa vụ của người trúng thầu và UBND xã phải thực hiện đúng hợp đồng. Khi có thiên tai hoặc một số trường hợp đột xuất khác sẽ được điều chỉnh bằng phụ kiện hợp đồng.

- UBND xã có trách nhiệm thông báo công khai mức giá thu phí khi tổ chức đấu thầu để mọi người biết.

**Điều 13.** Các loại phí không qua đấu thầu và các hoạt động dịch vụ

- Đối với các loại phí do ủy nhiệm thu của xã thu (ngoài đấu thầu) có số thu nhỏ, không ổn định giao cho UBND xã phối hợp cùng Chi cục Thuế chỉ đạo Đội Thuế, hoặc ủy nhiệm thu, chỉ định thu lập bộ và tổ chức thu nộp phí vào NSNN đúng quy định.

- Đối với các loại phí nêu tại Quy định này và các loại phí, lệ phí do Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quy định, các tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp và sự nghiệp có thu (kể cả các đoàn thể) có tổ chức thu, số tiền phí thu được sau khi trích để lại cho đơn vị được hưởng theo quy định, số còn lại phải nộp vào NSNN.

- Đối với phí do các đơn vị kinh doanh thu (đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) thì số tiền phí thu được là doanh thu tính thuế theo quy định của pháp luật thuế.

**Điều 14.** Các tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu, chỉ định thu, (kể cả đối tượng trúng thầu) thu các loại phí quy định tại khoản 1 Điều 2: phí chợ; phí qua đò, qua phà; phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe ô tô; phí bến bãi đậu xe; phí sử dụng mắt nước đậu ghe tàu; phí an ninh trật tự, phí vệ sinh (trừ các tổ chức dịch vụ, doanh nghiệp công ích); phí phòng, chống thiên tai được trích để lại số tiền thu phí trước khi nộp vào NSNN tối đa là 10% để tổ chức thu phí theo quy định tại điểm c mục 2 Điều 11 Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ để trả thù lao cho người trực tiếp thu phí và các chi phí khác như chi mua biểu mẫu, biên lai, vé thu phí, v.v..

Các tổ chức, đơn vị Hành chính sự nghiệp, Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp có thu nếu được giao nhiệm vụ thu phí thì được trích để lại theo quy định sau đây:

- Trường hợp tổ chức thu phí được NSNN đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí cả năm thì số phí thu được nộp vào NSNN 100%.

- Trường hợp tổ chức thu phí chưa được NSNN đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí thì tổ chức thu phí được trích để lại tỷ lệ % để sử dụng cho chi phí phục vụ cho việc thu phí theo công thức sau:

Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho việc thu phí

Tỷ lệ (%) = theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định X 100

Dự toán cả năm về phí thu được

Số phí còn lại sau khi đã trích theo tỷ lệ, tổ chức nộp vào NSNN.

#### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15.** UBND tỉnh giao UBND TP.Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện, các Sở, Ban ngành tỉnh, các đơn vị HCSN, đơn vị sự nghiệp có thu, các đoàn thể... chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình tổ chức thực hiện quy định này. Tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện tốt quy định quản lý thu phí, đấu thầu phí sẽ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

**Điều 16.** Các đối tượng được thu phí phải chấp hành nghiêm chỉnh việc thu các mức phí đúng quy định và nộp tiền phí theo hợp đồng đã ký (đối với hộ trúng thầu), các ủy nhiệm thu, chỉ định thu phải thanh toán nộp phí hàng tháng do cơ quan thuế quy định.

**Điều 17.** Nghiêm cấm các cơ quan, cán bộ lợi dụng chức vụ quyền hạn sử dụng trái phép tiền phí, khi phát hiện phải bồi thường toàn bộ số tiền sử dụng trái phép vào ngân sách và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 18.** Giao Cục Thuế có trách nhiệm in ấn, cấp phát chứng từ thu phí theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân thu phí việc thực hiện thanh quyết toán chứng từ cho các đối tượng (kể cả đối tượng trúng thầu).

Cục Thuế cung cấp biểu mẫu và chứng từ thu, biên lai thu, vé thu cho các đơn vị thu phí của tỉnh, trung ương trên địa bàn tỉnh Cần Thơ do Cục Thuế quản lý, Chi cục Thuế cung cấp biểu mẫu và chứng từ thu, biên lai thu, vé thu cho các đối tượng thu phí thuộc huyện mình (bao gồm các ban ngành huyện, xã, phường, thị trấn).

**Điều 19.** Giao Sở Tài chính Vật giá hướng dẫn quyết toán việc sử dụng số tiền phí được trích và quyết toán tài chính đối với cơ quan tài chính cùng cấp theo chế độ kế toán thống kê của Nhà nước quy định.

**Điều 20.** Giao Cục Thuế căn cứ vào Quy định này phối hợp với Sở Tài chính Vật giá tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện quản lý, thu nộp, sử dụng phí theo quy định pháp luật về phí, lệ phí. Quá trình thực hiện có gì vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời ./.

#### **DANH MỤC**

#### **PHÍ VÀ MỨC THU PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CẦN THƠ**

*(Ban hành theo quyết định số 41/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh Cần Thơ)*

	Danh mục Phí	Mức thu
<b>I</b>	<b>Phí chợ</b>	<b>Đồng/ ngày</b>
1	Đối với hộ mua bán khu vực (tự sản tự tiêu)	
	1 buổi chợ	1.000
	1 ngày chợ	2.000
2	Đối với hộ cố định (bán trên lề đường)	5.000
<b>II</b>	<b>Phí qua phà, qua đò</b>	<b>Đồng/người/chuyến</b>
1	Phí qua phà	
	a) Đối với người	500

	b) Đối với người và phương tiện hành lý	
	- Người và xe gắn máy	2.000
	- Người và xe đạp	1.000
	- Người kèm theo hành lý (Chiếm diện tích trên 1m <sup>2</sup> hoặc trên 100kg)	1.500
2	Phí qua đò	
	- Đối với người	
	+ Đò ngang: Dưới 1km	500
	Trên 1 km	
	+ Đò dọc: Chiều dài của tuyến sông dưới 2 km (nếu chiều dài tuyến sông dài hơn 2km, thì cứ 1km thu thêm 500 đồng)	1.000
		1.000
	- Đối với người và phương tiện	
	+ Đò ngang: Dưới 1km	1.000
	Trên 1 km	
	+ Đò dọc:	2.000
	Người và xe máy	2.000
	Người và xe đạp	1.000
	(nếu chiều dài tuyến sông dài hơn 2km, thì cứ 1km thu thêm 1.000 đồng)	
<b>III</b>	<b>Phí trông giữ xe đạp, gắn máy, ô tô</b>	<b>Đồng/chiếc/ngày</b>
1	Xe ô tô 12 chỗ trở xuống	4.000
2	Xe ô tô trên 12 chỗ	8.000
3	Xe gắn máy	
	- Các phường trong TP. Cần Thơ	2.000
	- Các xã, phường và thị trấn còn lại	1.000
4	Xe đạp (trường hợp hợp đồng giữ xe tháng thì do các bên thỏa thuận nhưng mức tối đa không quá quy định này nhân số ngày gửi giữ trong tháng)	
	- Các phường trong TP. Cần Thơ	500
	- Các xã, phường và thị trấn còn lại	200
<b>IV</b>	<b>Phí bến bãi đậu xe</b>	<b>Đồng/ngày/chiếc</b>
1	Xe lam, Daihasu, du lịch dưới 12 ghế, xe tải trọng tải từ 1 tấn trở xuống	4.000
2	Xe tải trên 1 tấn đến 2,5 tấn, xe du lịch từ 12 ghế đến 15 ghế	6.000
3	Xe khách trên 15 ghế và xe tải trên 2,5 tấn	8.000đ
4	Xe lôi, ba gác, xe gắn máy (loại chở người thu tiền)	2.000
<b>V</b>	<b>Phí sử dụng mặt nước đậu ghe tàu</b>	<b>đồng/lần</b>
1	Đối tượng sử dụng mặt nước có diện tích lớn, địa thế thuận lợi, trọng tải lớn (trên 10 tấn)	4.000
2	Đối tượng sử dụng mặt nước có diện tích nhỏ, địa thế không thuận lợi, trọng tải nhỏ (10 tấn trở xuống).	1.000
<b>VI</b>	<b>Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính</b>	<b>Đồng/m<sup>2</sup></b>
1	Khu vực đất ở, nhà ở đô thị tỷ lệ 1/500	
	- Đất có nhà	600
	- Đất không nhà	550
	- Đất nông nghiệp khu vực đô thị và dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500	300
2	Đất nông nghiệp khu vực nông thôn	

	- Tỷ lệ 1/1.000	100
	- Tỷ lệ 1/2.000	30
	- Tỷ lệ 1/5.000	10
3	Đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất phục vụ cho việc cấp giấy CN QSDĐ, đất đai trả của các đối tượng thuộc NSNN thì thu phí đo đạc khi kiểm tra xác minh diện tích và lập hồ sơ kỹ thuật	Đồng/vụ
	- Đối với khu vực đô thị	30.000
	- Đối với khu vực nông thôn	20.000
<b>VII</b>	<b>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai</b>	<b>đồng/thửa đất và đồng/văn bản</b>
	Tư liệu - bản đồ	
	- Bản đồ tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000	40.000
	- Bản đồ tỷ lệ: 1/2000, 1/5000, 1/10000, 1/25000, 1/50000, 1/100000	50.000
<b>VII</b>	<b>Phí tham quan danh lam thắng cảnh</b>	<b>đồng/lần</b>
1	Chợ nổi	2.000
2	Khu Du lịch	5.000
3	Vườn du lịch, điểm tham quan	3.000
<b>IX</b>	<b>Phí thư viện</b>	<b>Đồng/thẻ/năm</b>
	Cấp thẻ bạn đọc (Kể cả ép nhựa)	10.000
<b>X</b>	<b>Phí an ninh, trật tự</b>	<b>Đồng/tháng</b>
1	Cơ quan, DN; đơn vị SX, DV (Kể cả NN và tư nhân)	40.000
2	Các hộ kinh doanh, sản xuất, mua bán	5.000
3	Các hộ công chức NN, hộ nhân dân thành thị (phường của thành phố, thị xã)	3.000
4	Hộ SX nông nghiệp, làm vườn và hộ lao động khác.	1.500
<b>XI</b>	<b>Phí vệ sinh</b>	<b>Đồng/Tháng</b>
1	Các cơ quan HCSN, cơ quan Đảng, Đoàn thể	15.000
2	Đối với trường học	40.000
3	Văn phòng của Công ty, XN và các Công ty, XN	70.000
4	Đối với khách sạn	200.000
5	Đối với nhà hàng	200.000
6	Đối với khách sạn và nhà hàng	300.000
7	Đối với cơ sở SXKD, DV	50.000
8	Đối với hộ buôn bán cố định tại các chợ (không thu phí đối với các đối tượng buôn bán nhỏ, lẻ)	10.000
9	Đối với hộ gia đình không SXKD nhà mặt tiền	5.000
10	Đối với hộ gia đình không SXKD nhà trong hẻm	3.000
<b>XII</b>	<b>Phí phòng chống thiên tai:</b>	<b>Đồng/người/năm</b>
1	Lao động nông nghiệp	1.000
2	Lao động phi nông nghiệp	2.000
3	Các DN thuộc các thành phần kinh tế :	đồng/DN/năm
	3.1 Doanh nghiệp nhà nước	500.000
	3.2 Công ty cổ phần, CTy TNHH	500.000
	3.3 DNTN, các Chi nhánh thuộc Cty	200.000
	3.4 Các HTX	100.000
	3.5 Các hộ kinh doanh cá thể	50.000
<b>XIII</b>	<b>Phí dự thi, dự tuyển</b>	<b>Đồng/thí sinh</b>
1	Tuyển sinh (xét tuyển) tất cả học sinh đăng ký dự xét tuyển	5.000

	lớp đầu cấp Trường Trung học cơ sở (lớp 6), trường Trung học phổ thông (lớp 10)	
2	Thi tốt nghiệp bậc Trung học: Tất cả thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học hệ phổ thông, bổ túc. Miễn thu đối với các đối tượng tham dự kỳ thi tốt nghiệp hệ phổ cập. Dự thi tốt nghiệp THCS, bổ túc THCS Dự thi tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT	15.000 20.000